

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên (đã mất)
Ông Lê Đình Tiến	Thành viên
Ông Tăng Văn Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dòng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc (đã mất)
Ông Tăng Văn Liêm	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Dòng

Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		78.918.924.392	67.603.870.850
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.215.240.173	4.322.727.601
1. Tiền	111		5.215.240.173	4.322.727.601
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.366.360.804	22.430.172.951
1. Phải thu khách hàng	131		14.756.238.536	22.769.224.422
2. Trả trước cho người bán	132		711.667.529	118.253.431
3. Các khoản phải thu khác	135		153.309.151	444.190.328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(254.854.412)	(901.495.230)
III. Hàng tồn kho	140	6	54.284.248.494	39.998.565.281
1. Hàng tồn kho	141		55.065.762.223	40.801.138.537
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(781.513.729)	(802.573.256)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.053.074.921	852.405.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.132.441.940	714.086.473
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		772.237.279	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		148.395.702	138.318.544
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		74.738.734.590	69.916.609.601
I. Tài sản cố định	220		70.460.031.668	62.840.098.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	40.193.766.873	18.452.946.148
- Nguyên giá	222		89.685.820.087	57.431.535.917
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.492.053.214)	(38.978.589.769)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	22.151.215.308	36.272.103.056
- Nguyên giá	225		28.296.401.017	47.078.232.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.145.185.709)	(10.806.129.784)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	8.115.049.487	8.115.049.487
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.378.061.520	2.378.061.520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.378.061.520)	(1.378.061.520)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.278.702.922	6.076.510.910
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	252.016.399	3.242.215.118
2. Tài sản dài hạn khác	268	12	3.026.686.523	2.834.295.792
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		153.657.658.982	137.520.480.451

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		72.506.055.382	60.402.617.831
I. Nợ ngắn hạn	310		62.136.545.064	49.103.615.042
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	41.749.439.874	33.797.630.684
2. Phải trả người bán	312		10.622.086.232	3.685.634.859
3. Người mua trả tiền trước	313		307.156.987	1.507.451.445
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.101.676.373	5.938.845.288
5. Phải trả người lao động	315		2.020.016.510	1.669.431.000
6. Chi phí phải trả	316		254.219.848	376.895.597
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		856.931.405	14.641.180
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.225.017.835	2.113.084.989
II. Nợ dài hạn	330		10.369.510.318	11.299.002.789
1. Phải trả dài hạn khác	333		417.690.000	417.690.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	9.806.508.727	9.948.490.967
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	145.311.591	45.015.822
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	887.806.000
B. VỐN CỔ ĐÔNG (400=410)	400		81.151.603.600	77.117.862.620
I. Vốn cổ đông	410	17	81.151.603.600	77.117.862.620
1. Vốn điều lệ	411		47.577.700.000	47.577.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.742.388	58.742.388
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.727.071.650	2.603.745.804
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.727.071.650	2.603.745.804
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		26.061.017.912	24.273.928.624
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		153.657.658.982	137.520.480.451

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Đơn vị tính	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại	USD		49.407	6.106
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND		646.640.818	-

Nguyễn Văn Dòng
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Thành
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Tâm
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng	01		204.310.787.418	230.239.779.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		449.280.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	19	203.861.507.418	230.239.779.500
4. Giá vốn hàng bán	11		164.771.892.125	178.590.801.459
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		39.089.615.293	51.648.978.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	532.578.191	378.002.688
7. Chi phí tài chính	22	22	4.178.710.612	12.849.759.644
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.051.532.203	9.815.008.514
8. Chi phí bán hàng	24		3.605.127.523	6.043.614.092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.294.867.478	6.689.957.381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		24.543.487.871	26.443.649.612
11. Thu nhập khác	31	23	7.437.271.516	3.875.992.258
12. Chi phí khác	32	24	3.796.472.125	2.333.922.046
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.640.799.391	1.542.070.212
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.184.287.262	27.985.719.824
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	5.610.881.667	5.171.929.313
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	100.295.769	(73.386.236)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22.473.109.826	22.887.176.747
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	4.723	4.810

Nguyễn Văn Dông**Giám đốc**

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thu Tâm****Người lập biểu**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.184.287.262	27.985.719.824
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.473.271.724	9.271.075.354
Các khoản dự phòng	03	(667.700.345)	1.426.151.456
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	131.191.056
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.143.447.160)	(351.860.100)
Chi phí lãi vay	06	4.051.532.203	9.815.008.514
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39.897.943.684	48.277.286.104
Biến động các khoản phải thu	09	(4.418.372.535)	(7.810.137.239)
Biến động hàng tồn kho	10	(14.264.623.686)	13.083.221.839
Biến động các khoản phải trả	11	4.972.950.875	(3.676.985.273)
Biến động chi phí trả trước	12	571.843.252	(401.363.931)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.201.573.752)	(10.089.643.684)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.134.023.362)	(3.225.488.748)
Tiền (chi)/thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	21.875.000	716.570.556
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.176.555.889)	(1.587.242.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.269.463.587	35.286.217.023
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(5.967.673.028)	(1.185.801.818)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định hữu hình	22	1.221.400.000	-
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	175.112.063	351.860.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.571.160.965)	(833.941.718)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	102.053.091.553	124.515.026.079
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(82.742.093.494)	(140.299.057.891)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(11.419.976.109)	(8.333.077.288)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(15.696.812.000)	(12.562.976.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.805.790.050)	(36.680.085.100)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	892.512.572	(2.227.809.795)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.322.727.601	6.539.587.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	10.950.259
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.215.240.173	4.322.727.601

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm khoản 647.348.000 đồng, là số tiền cổ tức chưa chi trả cho cổ đông trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải thu.

Nguyễn Văn Dòng
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Thành
Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thu Tâm
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002815 ngày 28 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 268 người (31 tháng 12 năm 2011: 258).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là in theo phương pháp ống đồng, in theo phương pháp offset, sản xuất các loại bao bì cao cấp, và cung cấp giấy các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 **không có ảnh hưởng trọng yếu** đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, và các khoản vay và nợ phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	25
Máy móc, thiết bị	7

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư vào đơn vị khác mà công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu và được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	313.137.249	82.816.835
Tiền gửi ngân hàng	4.902.102.924	4.239.910.766
	<u>5.215.240.173</u>	<u>4.322.727.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	3.962.810.613	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.379.800.234	29.182.753.632
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.959.784.419	4.995.681.417
Thành phẩm	9.763.366.957	6.622.703.488
	55.065.762.223	40.801.138.537
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(781.513.729)	(802.573.256)
	54.284.248.494	39.998.565.281

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tài sản khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	52.005.979.420	3.415.340.419	314.275.770	1.695.940.308	57.431.535.917
Tăng	3.613.779.378	2.207.777.272	168.124.733	-	5.989.681.383
Kết chuyển từ thuê tài chính	30.138.420.044	-	-	-	30.138.420.044
Thanh lý	(3.542.908.733)	(286.614.284)	(44.294.240)	-	(3.873.817.257)
Tại ngày 31/12/2012	82.215.270.109	5.336.503.407	438.106.263	1.695.940.308	89.685.820.087
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	35.943.586.285	1.369.521.129	310.364.700	1.355.117.655	38.978.589.769
Khấu hao trong kỳ	6.386.250.152	530.953.947	24.933.357	81.973.830	7.024.111.286
Kết chuyển từ thuê tài chính	7.110.104.513	-	-	-	7.110.104.513
Thanh lý	(3.289.843.830)	(286.614.284)	(44.294.240)	-	(3.620.752.354)
Tại ngày 31/12/2012	46.150.097.120	1.613.860.792	291.003.817	1.437.091.485	49.492.053.214
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	36.065.172.989	3.722.642.615	147.102.446	258.848.823	40.193.766.873
Tại ngày 31/12/2011	16.062.393.135	2.045.819.290	3.911.070	340.822.653	18.452.946.148

Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với trị giá là 19.952.976.275 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 12.850.205.210 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà xưởng <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	13.940.318.700	33.137.914.140	47.078.232.840
Tăng	-	11.356.588.221	11.356.588.221
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(30.138.420.044)	(30.138.420.044)
Tại ngày 31/12/2012	13.940.318.700	14.356.082.317	28.296.401.017
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	3.206.273.301	7.599.856.483	10.806.129.784
Khấu hao trong kỳ	557.612.748	1.891.547.690	2.449.160.438
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(7.110.104.513)	(7.110.104.513)
Tại ngày 31/12/2012	3.763.886.049	2.381.299.660	6.145.185.709
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	10.176.432.651	11.974.782.657	22.151.215.308
Tại ngày 31/12/2011	10.734.045.399	25.538.057.657	36.272.103.056

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đây là khoản trả trước 35% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là “Công ty CP KCN Phong Phú”) về việc thuê 12.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là “KCN Phong Phú”) để xây dựng nhà xưởng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty CP KCN Phong Phú vẫn chưa tiến hành bàn giao cho Công ty khu vực đất dự kiến cho thuê theo như tiến độ hợp đồng đã cam kết.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Cổ phần trong Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn (i)	1.378.061.520	1.378.061.520
Góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (i)	<u>(1.378.061.520)</u>	<u>(1.378.061.520)</u>
	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

(i) Khoản đầu tư vào của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn thể hiện giá mua 72.000 cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn đã có số lỗ lũy kế vượt quá số vốn chủ sở hữu, do đó Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

(ii) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam chiếm 0,56% vốn điều lệ của công ty này.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	3.242.215.118	2.562.118.821
Tăng trong năm	469.556.097	2.399.709.666
Phân bổ vào chi phí	<u>(3.459.754.817)</u>	<u>(1.719.613.369)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>252.016.399</u>	<u>3.242.215.118</u>

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính và thuê đất.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Vay ngắn hạn	36.714.932.555	27.569.416.496
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	330.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	<u>4.704.507.319</u>	<u>6.228.214.188</u>
	<u>41.749.439.874</u>	<u>33.797.630.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	6.920.000.000	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	6.463.545.704	9.642.869.376
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển nhà	-	2.619.239.120
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	12.551.386.851	10.077.688.000
Các cá nhân khác	10.780.000.000	5.229.620.000
	<u>36.714.932.555</u>	<u>27.569.416.496</u>

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam dưới hình thức thư tín dụng thư với tổng hạn mức tín dụng 15 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn Dòng, Giám đốc Công ty và bà Nguyễn Thảo Nguyên, vợ ông Nguyễn Văn Dòng.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 1.200.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị 13,5 tỷ đồng và các khoản phải thu với giá trị 13,5 tỷ đồng.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng 16.010.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Trần Anh Tiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và bà Bùi Xuân Hạnh, vợ ông Trần Anh Tiến. Công ty cam kết dùng hàng lưu kho và nguồn thu từ xuất nhập khẩu để đảm bảo khả năng trả nợ vay.

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng trên đây chịu lãi suất từ 1,30% đến 1,58%/tháng cho các khoản vay nhận nợ bằng đồng Việt Nam, từ 0,50% đến 0,63%/tháng đối với đô la Mỹ.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân khác không có bảo đảm nhằm mục đích tài trợ cho vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản thời gian thanh toán nợ gốc cho mỗi khoản vay là 12 tháng và chịu lãi suất từ 1,30% đến 1,55%/tháng và lãi vay được thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	741.274.827
Thuế xuất nhập khẩu	407.800.035	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.648.787.618	5.171.929.313
Các loại thuế khác	45.088.720	25.641.148
	<u>4.101.676.373</u>	<u>5.938.845.288</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn (i)	907.500.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (i)	13.933.516.046	16.176.705.155
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	(330.000.000)	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	(4.704.507.319)	(6.228.214.188)
	<u>9.806.508.727</u>	<u>9.948.490.967</u>

(i) Chi tiết khoản vay dài hạn:

Khoản vay dài hạn 990.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với lãi suất cho vay được áp dụng theo thông báo lãi suất cho vay Việt Nam của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Kỳ Đồng loại cho vay trung hạn có hiệu lực vào thời điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

bên vay nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là Xe ô tô Honda ACCORD 2.4 AT theo Hợp đồng mua bán số 09141/12-HDMB ngày 19 tháng 9 năm 2012 với chi nhánh Công ty XNK & DV Ô tô Mặt Trời Mọc với giá trị tài sản 1.415.000.000 đồng.

(ii) Chi tiết các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	7.935.413.200	1.779.928.655
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ("VILC")	1.187.445.346	-
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu	-	7.794.102.000
Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - kinh doanh văn phòng Tân Tạo ("Taserco")	4.810.657.500	6.602.674.500
	<u>13.933.516.046</u>	<u>16.176.705.155</u>

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	6.320.794.140	8.356.102.783	4.704.507.319	6.228.214.188
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.907.664.529	12.327.153.295	9.229.008.727	9.948.490.967
	<u>19.228.458.669</u>	<u>20.683.256.078</u>	<u>13.933.516.046</u>	<u>16.176.705.155</u>
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(5.294.942.623)	(4.506.550.923)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	<u>13.933.516.046</u>	<u>16.176.705.155</u>	<u>13.933.516.046</u>	<u>16.176.705.155</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng				
(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - Thuyết minh số 13)			(4.704.507.319)	(6.228.214.188)
Số phải trả sau 12 tháng			<u>9.229.008.727</u>	<u>9.948.490.967</u>

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Tài sản cố định thuê tài chính	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2011	(340.690.023)	185.745.830	36.542.135	(118.402.058)
Ghi vào kết quả kinh doanh	-	14.897.484	58.488.752	73.386.236
Tại ngày 31/12/2011	(340.690.023)	200.643.314	95.030.887	(45.015.822)
Ghi vào kết quả kinh doanh	-	(5.264.882)	(95.030.887)	(100.295.769)
Tại ngày 31/12/2012	<u>(340.690.023)</u>	<u>195.378.432</u>	<u>-</u>	<u>(145.311.591)</u>

17. VỐN CỔ ĐÔNG

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 11 tháng 02 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 47.577.700.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	4.757.770	4.757.770
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.757.770	4.757.770
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty

Thay đổi trong vốn cổ đông

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	47.577.700.000	58.742.388	1.459.386.967	1.459.386.967	16.034.422.387	66.589.638.709
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	22.887.176.747	22.887.176.747
Công bố chia cổ tức	-	-	-	-	(10.467.094.000)	(10.467.094.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.144.358.837	1.144.358.837	(4.180.576.510)	(1.891.858.836)
Số dư tại ngày 31/12/2011	47.577.700.000	58.742.388	2.603.745.804	2.603.745.804	24.273.928.624	77.117.862.620
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	22.473.109.826	22.473.109.826
Công bố chia cổ tức	-	-	-	-	(16.176.418.000)	(16.176.418.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.123.325.846	1.123.325.846	(4.509.602.538)	(2.262.950.846)
Số dư tại ngày 31/12/2012	47.577.700.000	58.742.388	3.727.071.650	3.727.071.650	26.061.017.912	81.151.603.600

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 14 tháng 4 năm 2012, Công ty đã công bố chia cổ tức bổ sung của năm 2011 là 14% cho một cổ phần với số tiền là 6.660.878.000 đồng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 30 tháng 7 năm 2012 và ngày 11 tháng 12 năm 2012, Công ty đã tạm ứng cổ tức của năm 2012 là 20% cho một cổ phần với số tiền là 9.515.540.000 đồng.

Công ty đã trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo tỷ lệ 5% cho mỗi quỹ. Ngoài ra, Công ty đã trích thưởng Ban Điều Hành công ty khi lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt so với lợi nhuận kế hoạch, với mức trích tạm trích là 859.625.000 đồng. Số liệu cuối cùng về trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên

Vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011:

	Theo GCN ĐKKD VND	31/12/2012 VND	%	31/12/2011 VND	%
Ông Trần Anh Tiến	9.926.000.000	5.710.000.000	12,00%	5.710.000.000	12,00%
Ông Nguyễn Văn Hùng	6.574.000.000	4.000.000.000	8,41%	4.000.000.000	8,41%
Ông Tăng Văn Liêm	500.000.000	287.100.000	0,60%	287.100.000	0,60%
Ông Lìu Ích Sáng	-	2.883.200.000	6,06%	3.957.900.000	8,32%
Ông Nguyễn Thành Hiếu	-	2.883.050.000	6,06%	2.883.050.000	6,06%
Ông Hồ Vĩnh Vân	-	2.450.000.000	5,15%	2.450.000.000	5,15%
Ông Nguyễn Thái Bình	-	14.601.300.000	30,69%	14.244.900.000	29,94%
Các cổ đông khác	30.577.700.000	14.763.050.000	31,03%	14.044.750.000	29,52%
	47.577.700.000	47.577.700.000	100,00%	47.577.700.000	100,00%

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển đổi chủ sở hữu phần cổ phần của cổ đông Nguyễn Văn Hùng (đã mất) cho người thừa kế hợp pháp.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp là in (offset, ống đồng giấy, ống đồng nhôm, bao thư) chiếm 97% tổng doanh thu, các lĩnh vực kinh doanh khác bao gồm bán hàng hóa chiếm 2,95% và cung cấp dịch vụ chiếm 0,05%, do đó doanh nghiệp không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp trong nước Việt Nam chiếm 93,08%, doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm 6,92%, do đó doanh nghiệp không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

19. DOANH THU THUẦN

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	6.020.371.091	6.748.012.218
Doanh thu offset	61.349.649.441	77.112.493.451
Doanh thu ống đồng giấy	26.638.932.087	26.821.904.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ	106.000.000	6.314.236
Doanh thu bao thư	17.266.135.758	15.273.720.611
Doanh thu ống đồng nhôm	92.480.419.041	104.277.334.085
	<u>203.861.507.418</u>	<u>230.239.779.500</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.498.436.031	148.194.401.018
Chi phí nhân công	18.877.565.324	16.646.797.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.473.271.724	9.271.075.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.084.552.012	8.908.444.925
Chi phí khác	7.853.287.531	9.418.880.101
	<u>175.671.887.126</u>	<u>191.324.372.932</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	75.112.063	108.123.342
Cổ tức được chia từ khoản đầu tư dài hạn	100.000.000	243.736.758
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	357.466.128	26.142.588
	<u>532.578.191</u>	<u>378.002.688</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	4.051.532.203	9.815.008.514
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	131.191.056
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.525.498.554
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	7.863.499	1.378.061.520
Khác	119.314.910	-
	<u>4.178.710.612</u>	<u>12.849.759.644</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***23. THU NHẬP KHÁC**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.221.400.000	-
Thu từ việc bán các phế liệu	669.248.998	706.832.753
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản	4.445.640.132	2.891.650.679
Khác	1.100.982.386	277.508.826
	<u>7.437.271.516</u>	<u>3.875.992.258</u>

24. CHI PHÍ KHÁC

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	253.064.903	-
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	557.612.748	557.612.748
Khác	2.985.794.474	1.776.309.298
	<u>3.796.472.125</u>	<u>2.333.922.046</u>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	28.184.287.262	27.985.719.824
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	728.272.686	1.154.452.736
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	(583.550.336)	(211.500.000)
Thu nhập chịu thuế	28.329.009.612	28.928.672.560
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.082.252.403	7.232.168.140
Giảm trừ thuế	(1.890.955.265)	(2.060.238.827)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	419.584.529	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.610.881.667</u>	<u>5.171.929.313</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2012, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 29/2012/QH13 về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Theo đó, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 với số tiền là 1.890.955.265 đồng.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	22.473.109.826	22.887.176.747
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.473.109.826	22.887.176.747
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	4.757.770	4.757.770
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.723</u>	<u>4.810</u>

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng pha loãng cổ phiếu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>3.882.990.802</u>	<u>3.801.292.836</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.550.847.251	3.823.720.877
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>2.133.250.000</u>	<u>2.549.147.251</u>
	<u>5.684.097.251</u>	<u>6.372.868.128</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả công ty TNHH Vĩnh Hiệp. Thời gian thuê thỏa thuận trong hợp đồng thuê là 3 năm.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	51.555.948.601	43.746.121.651
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.215.240.173	4.322.727.601
Nợ thuần	46.340.708.428	39.423.394.050
Vốn chủ sở hữu	<u>81.151.603.600</u>	<u>77.117.862.620</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,57</u>	<u>0,51</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	5.215.240.173	4.322.727.601
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.654.693.275	22.311.919.520
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	<u>3.150.832.225</u>	<u>2.926.489.336</u>
Tổng cộng	<u>24.020.765.673</u>	<u>30.561.136.457</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công nợ tài chính**

Phải trả người bán và phải trả khác	11.316.634.232	3.700.276.039
Các khoản vay và nợ	51.555.948.601	43.746.121.651
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	254.219.848	376.895.597
Tổng cộng	<u>63.544.492.681</u>	<u>48.240.983.287</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	<u>21.611.084.307</u>	<u>19.338.021.689</u>	<u>1.633.159.154</u>	<u>128.440.557</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng đô la Mỹ thay đổi tăng/giảm 5% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 998.896.258 đồng (2011: 960.479.057 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng một khoản là 148.785.215 đồng (2011: 137.998.011 đồng)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.215.240.173	-	5.215.240.173
Các khoản phải thu và phải thu khác	14.654.693.275	-	14.654.693.275
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	124.145.702	3.026.686.523	3.150.832.225
Tổng cộng	19.994.079.150	4.026.686.523	24.020.765.673
Phải trả người bán và phải trả khác	11.316.634.232	-	11.316.634.232
Các khoản vay và nợ	41.749.439.874	9.806.508.727	51.555.948.601
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	254.219.848	-	254.219.848
Tổng cộng	53.320.293.954	10.224.198.727	63.544.492.681
Chênh lệch thanh khoản thuần	(33.326.214.804)	(6.197.512.204)	(39.523.727.008)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.322.727.601	-	4.322.727.601
Các khoản phải thu và phải thu khác	22.311.919.520	-	22.311.919.520
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	92.193.544	2.834.295.792	2.926.489.336
Tổng cộng	26.726.840.665	3.834.295.792	30.561.136.457
Phải trả người bán và phải trả khác	3.687.836.859	-	3.687.836.859
Các khoản vay và nợ	33.797.630.684	9.948.490.967	43.746.121.651
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	376.895.597	-	376.895.597
Tổng cộng	37.862.363.140	10.366.180.967	48.228.544.107
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.135.522.475)	(6.531.885.175)	(17.667.407.650)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

4383/1 Nguyễn Cửu Phú, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập Ban Giám đốc	<u>2.688.751.000</u>	<u>1.920.897.300</u>

29. MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính	31/12/2012	31/12/2011
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	51,36	49,16
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	48,64	50,84
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	47,19	43,92
Vốn cổ đông/Tổng nguồn vốn	%	52,81	56,08
Vốn điều lệ/Tổng nguồn vốn	%	30,96	34,60
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,27	1,38
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,33	0,54
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	13,62	12,16
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,02	9,94
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông	%	27,69	29,68

30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 28 tháng 3 năm 2013.

Nguyễn Văn Dòng**Giám đốc**

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thu Tâm**Người lập biểu**